

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề 01 (đề gồm 2 trang)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra.

Số đôi giày size 37 và size 38 bán ra trong quý II của một cửa hàng được biểu diễn trong biểu đồ ở hình dưới đây.

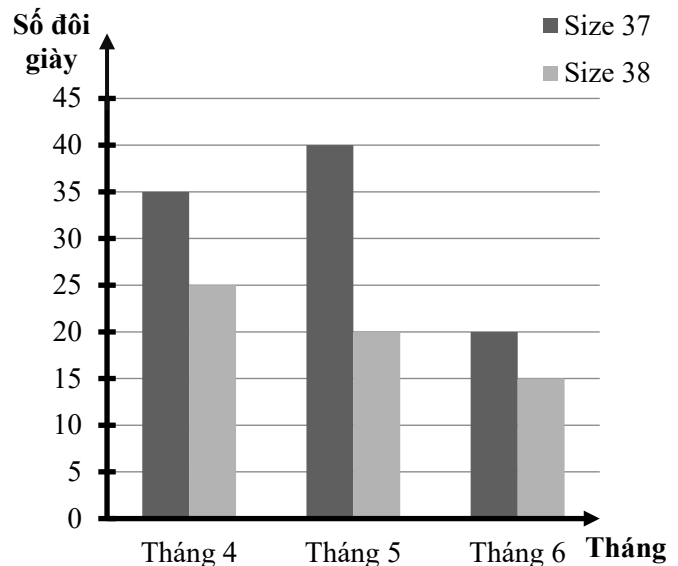
Sử dụng biểu đồ này để trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 2.

Câu 1. Tổng số giày cả hai size đã bán trong tháng 6 là:

- A. 35
B. 25
C. 40
D. 60

Câu 2. Trong quý II, số giày size 37 bán được nhiều hơn số giày size 38 là:

- A. 10
B. 20
C. 25
D. 35



Câu 3. Một cung thủ bắn mũi tên vào một tấm bia. Điểm số ở các lần bắn được cho bởi bảng sau:

7	8	9	9	8	10	10	9	8	10
8	8	9	10	10	7	6	6	9	9

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Cung thủ bắn được số điểm lớn hơn 8” là:

- A. $\frac{11}{20}$ B. $\frac{10}{20}$ C. $\frac{16}{20}$ D. $\frac{8}{10}$

Câu 4. Tung một đồng xu cân đối 20 lần ta được kết quả như sau:

S	N	S	N	S	N	S	N	N	N
S	S	N	S	N	N	N	S	N	N

(Lưu ý: S: mặt sấp; N: mặt ngửa)

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Mặt xuất hiện là mặt ngửa” là:

- A. 0,5 B. 0,6 C. 0,7 D. 0,8

Câu 5. Phân số nào sau đây là phân số dương:

- A. $\frac{-33}{15}$ B. $\frac{33}{-15}$ C. $-\frac{33}{15}$ D. $\frac{-33}{-15}$

Câu 6. Phân số nhỏ nhất trong các phân số $-\frac{2}{3}, \frac{5}{4}, \frac{3}{2}, \frac{11}{-5}$ là:

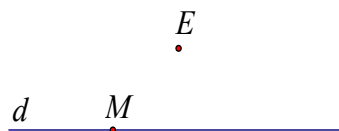
- A. $-\frac{2}{3}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{11}{-5}$

Câu 7. Cho hai tia OM và ON đối nhau thì trong ba điểm O, M, N điểm nằm giữa hai điểm còn lại là:

- A. Điểm O B. Điểm M C. Điểm N D. Điểm M hoặc N

Câu 8. Cho hình vẽ bên. Khẳng định đúng là:

- A. Điểm E không thuộc đường thẳng d ;
- B. Đường thẳng d đi qua điểm E ;
- C. Điểm M không nằm trên đường thẳng d ;
- D. Đường thẳng d không đi qua M .



PHẦN II. Tự luận (8 điểm).

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $4,55 + 3,45$ b) $\frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-11}{15}$ c) $\frac{5}{11} \cdot \frac{5}{7} + \frac{5}{11} \cdot \frac{2}{7} + \frac{6}{11}$ d) $\frac{38}{45} - \left(\frac{8}{45} - \frac{17}{51} \right)$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm x biết :

a) $x - \frac{1}{5} = \frac{2}{11}$ b) $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} : x = \frac{-2}{3}$ c) $\left(x - \frac{4}{5} \right)^2 = \frac{1}{25}$

Bài 3 (1,5 điểm). Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS, kết quả học tập của học sinh trong cả năm học được đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt và Chưa đạt. Lớp 6A có 45 học sinh. Trong đó, số học sinh có kết quả học tập Tốt bằng $\frac{2}{5}$

số học sinh cả lớp. Số học sinh có kết quả học tập Khá bằng $\frac{11}{9}$ số học sinh có kết quả học tập

Tốt. Còn lại là học sinh có kết quả học tập Đạt. Không có học sinh nào có kết quả học tập Chưa đạt. Tính số học sinh có kết quả học tập Tốt, Khá, Đạt của lớp 6A.

Bài 4 (2,5 điểm). Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 4cm, ON = 8cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- b) Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON không? Vì sao?
- c) Gọi I là trung điểm của MN. Tính độ dài đoạn thẳng OI.

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{19.20}$

và $B = \frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \frac{1}{6.8} + \dots + \frac{1}{38.40}$. Tính $\frac{A}{B}$.

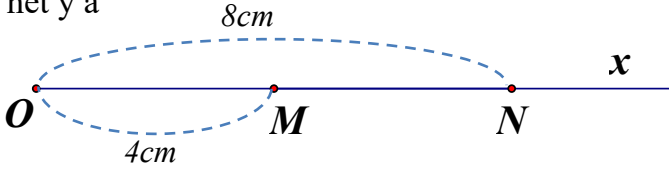
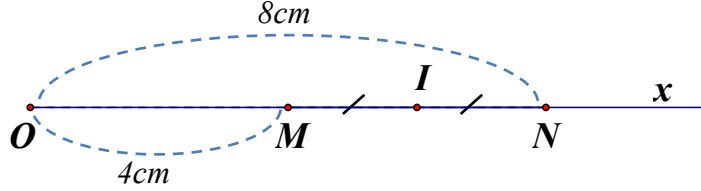
-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	B	D	D	A	A

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (2 điểm)	a) $4,55 + 3,45 = 8$	0,5đ
	b) $\frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-11}{15} = \frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + \frac{35}{22} + \frac{-11}{15}$ $= \left(\frac{-4}{15} + \frac{-11}{15}\right) + \left(\frac{9}{22} + \frac{35}{22}\right)$ $= \frac{-15}{15} + \frac{44}{22} = -1 + 2 = 1$	0,25đ 0,25đ
	c) $\frac{5}{11} \cdot \frac{5}{7} + \frac{5}{11} \cdot \frac{2}{7} + \frac{6}{11} = \frac{5}{11} \cdot \left(\frac{5}{7} + \frac{2}{7}\right) + \frac{6}{11}$ $= \frac{5}{11} + \frac{6}{11} = \frac{11}{11} = 1$	0,25đ 0,25đ
	d) $\frac{38}{45} - \left(\frac{8}{45} - \frac{17}{51}\right) = \frac{38}{45} - \frac{8}{45} + \frac{17}{51}$ $= \frac{30}{45} + \frac{17}{51} = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} = \frac{3}{3} = 1$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x - \frac{1}{5} = \frac{2}{11}$ $x = \frac{2}{11} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{21}{55}$	0,25đ 0,25đ
	b) $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} : x = \frac{-2}{3}$ $\frac{5}{9} : x = \frac{-10}{9}$ $x = \frac{-1}{2}$	0,25đ 0,25đ
	c) $\left(x - \frac{4}{5}\right)^2 = \frac{1}{25}$ TH ₁ : $x - \frac{4}{5} = \frac{1}{5}$ $x = \frac{4}{5} + \frac{1}{5}$ $x = 1$ TH ₂ : $x - \frac{4}{5} = \frac{-1}{5}$ $x = \frac{4}{5} + \frac{-1}{5}$ $x = \frac{3}{5}$	0,25đ
	Vậy $x \in \left\{1; \frac{3}{5}\right\}$	0,25đ

Bài 3 (1,5 điểm)	Số học sinh có kết quả học tập Tốt là: $45 \cdot \frac{2}{5} = 18$	0,5đ
	Số học có kết quả học tập Khá là: $18 \cdot \frac{11}{9} = 22$	0,5đ
	Số học sinh có kết quả học tập Đạt là: $45 - 18 - 22 = 5$	0,5đ
Bài 4 (2,5 điểm)	Vẽ hình hết ý a 	0,5đ
	a) Điểm M nằm giữa O và N nên $OM + MN = ON$ Suy ra $MN = ON - OM = 8 - 4 = 4$ (cm)	0,75đ
	b) Vì điểm M nằm giữa hai điểm O và N. Và $OM = MN (= 4\text{cm})$ Suy ra điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON.	0,75 đ
	 c) Vì I là trung điểm của MN nên $IM = \frac{MN}{2} = \frac{4}{2} = 2$ (cm) Điểm M nằm giữa O và I nên $OM + MI = OI$ Suy ra $OI = 4 + 2 = 6$ (cm)	0,5 đ
Bài 5 (0,5 điểm)	Ta có $A = \frac{1}{1 \cdot 2} + \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \dots + \frac{1}{19 \cdot 20} = 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{19} - \frac{1}{20}$ $= 1 - \frac{1}{20} = \frac{19}{20}$ $B = \frac{1}{2 \cdot 4} + \frac{1}{4 \cdot 6} + \frac{1}{6 \cdot 8} + \dots + \frac{1}{38 \cdot 40} = \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{6} + \dots + \frac{1}{38} - \frac{1}{40} \right)$ $= \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{40} \right) = \frac{1}{2} \cdot \frac{19}{40} = \frac{19}{80}$ $\Rightarrow \frac{A}{B} = \frac{19}{20} : \frac{19}{80} = 4.$ Vậy $\frac{A}{B} = 4$	0,25đ 0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề 02 (đề gồm 2 trang)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra.

Số đôi giày size 37 và size 38 bán ra trong quý II của một cửa hàng được biểu diễn trong biểu đồ ở hình dưới đây.

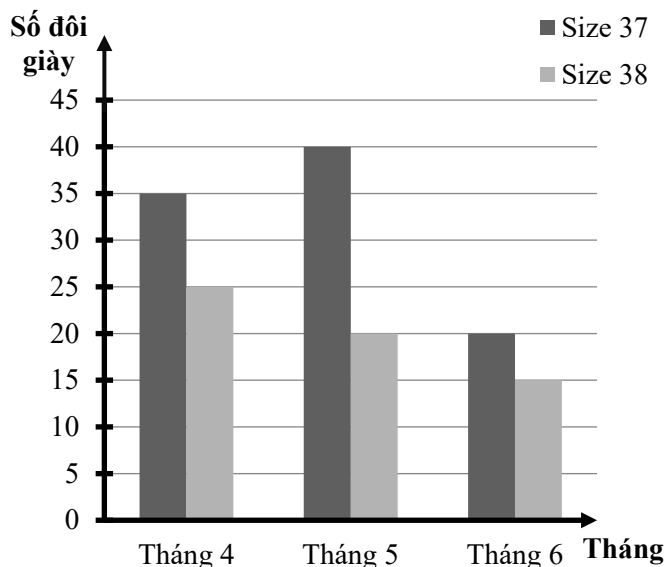
Sử dụng biểu đồ này để trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 2.

Câu 1. Tổng số giày cả hai size đã bán trong tháng 5 là:

- A. 35
B. 25
C. 40
D. 60

Câu 2. Trong quý II, số giày size 38 bán được ít hơn số giày size 37 là:

- A. 10
B. 20
C. 25
D. 35



Câu 3. Một cung thủ bắn mũi tên vào một tấm bia. Điểm số ở các lần bắn được cho bởi bảng sau:

7	8	9	9	8	10	10	9	8	10
8	8	9	10	10	7	6	6	9	9

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Cung thủ bắn được số điểm từ 9 trở lên” là:

- A. $\frac{11}{20}$ B. $\frac{10}{20}$ C. $\frac{16}{20}$ D. $\frac{8}{10}$

Câu 4. Tung một đồng xu cân đối 20 lần ta được kết quả như sau:

S	N	S	N	S	N	S	N	N	N
S	S	N	S	N	N	N	S	N	N

(Lưu ý: S: mặt sấp; N: mặt ngửa)

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Mặt xuất hiện là mặt sấp” là:

- A. 0,4 B. 0,6 C. 0,7 D. 0,8

Câu 5. Phân số nào sau đây là phân số âm:

- A. $\frac{-33}{15}$ B. $\frac{33}{15}$ C. $-\frac{33}{15}$ D. $\frac{-33}{-15}$

Câu 6. Phân số lớn nhất trong các phân số $-\frac{2}{3}, \frac{5}{4}, \frac{3}{2}, \frac{11}{-5}$ là:

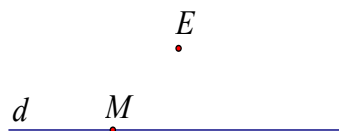
- A. $-\frac{2}{3}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{11}{-5}$

Câu 7. Cho hai tia OA và ON đối nhau thì trong ba điểm O , A , N điểm nằm giữa hai điểm còn lại là:

- A. Điểm O B. Điểm A C. Điểm N D. Điểm A hoặc N

Câu 8. Cho hình vẽ bên. Khẳng định đúng là:

- A. Điểm E thuộc đường thẳng d ;
- B. Đường thẳng d đi qua điểm E ;
- C. Điểm M không nằm trên đường thẳng d ;
- D. Đường thẳng d đi qua M .



PHẦN II. Tự luận (8 điểm).

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $2,75 + 3,25$ b) $\frac{-5}{13} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-8}{13}$ c) $\frac{3}{11} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{8}{11}$ d) $\frac{29}{21} - \left(\frac{15}{21} - \frac{12}{36} \right)$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm x biết :

a) $x - \frac{1}{3} = \frac{4}{11}$ b) $\frac{7}{10} + \frac{3}{10} : x = \frac{-2}{5}$ c) $\left(x - \frac{3}{5} \right)^2 = \frac{1}{25}$

Bài 3 (1,5 điểm). Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS, kết quả học tập của học sinh trong cả năm học được đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt và Chưa đạt. Lớp 6A có 42 học sinh. Trong đó, số học sinh có kết quả học tập Tốt bằng $\frac{2}{3}$

số học sinh cả lớp. Số học sinh có kết quả học tập Khá bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh có kết quả học tập

Tốt. Còn lại là học sinh có kết quả học tập Đạt. Không có học sinh nào có kết quả học tập Chưa đạt. Tính số học sinh có kết quả học tập Tốt, Khá, Đạt của lớp 6A.

Bài 4 (2,5 điểm). Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 3cm, ON = 6cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
- c) Gọi I là trung điểm của MN. Tính độ dài đoạn thẳng OI.

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50}$

và $B = \frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \frac{1}{6.8} + \dots + \frac{1}{98.100}$. Tính $\frac{A}{B}$.

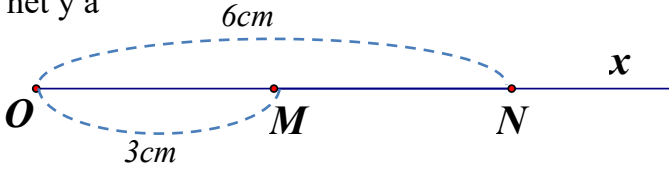
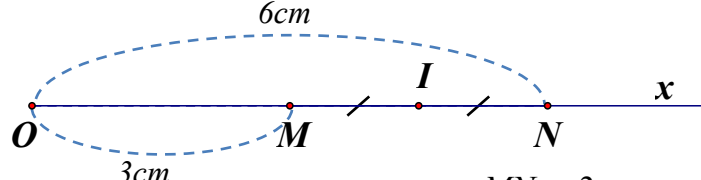
-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	A	A	A	C	A	D

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (2 điểm)	a) $2,75 + 3,25 = 6$	0,5đ
	b) $\frac{-5}{13} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-8}{13}$ $= \left(\frac{-5}{13} + \frac{-8}{13}\right) + \left(\frac{9}{22} + 1 + \frac{13}{22}\right)$ $= \frac{-15}{13} + \frac{22}{22} + 1 = -1 + 1 + 1 = 1$	0,25đ 0,25đ
	c) $\frac{3}{11} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{8}{11} = \frac{3}{11} \cdot \left(\frac{7}{9} + \frac{2}{9}\right) + \frac{8}{11}$ $= \frac{3}{11} + \frac{8}{11} = \frac{11}{11} = 1$	0,25đ 0,25đ
	d) $\frac{29}{21} - \left(\frac{15}{21} - \frac{12}{36}\right) = \frac{29}{21} - \frac{15}{21} + \frac{12}{36}$ $= \frac{14}{21} + \frac{12}{36} = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} = \frac{3}{3} = 1$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x - \frac{1}{3} = \frac{4}{11}$ $x = \frac{4}{11} + \frac{1}{3}$ $x = \frac{23}{33}$	0,25đ 0,25đ
	b) $\frac{7}{10} + \frac{3}{10} : x = \frac{-2}{5}$ $\frac{3}{10} : x = \frac{-11}{10}$ $x = \frac{-3}{11}$	0,25đ 0,25đ
	c) $\left(x - \frac{3}{5}\right)^2 = \frac{1}{25}$ TH ₁ : $x - \frac{3}{5} = \frac{1}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{4}{5}$ TH ₂ : $x - \frac{3}{5} = \frac{-1}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{-1}{5}$ $x = \frac{2}{5}$	0,25đ
	Vậy $x \in \left\{\frac{2}{5}; \frac{4}{5}\right\}$	0,25đ

Bài 3 (1,5 điểm)	Số học sinh có kết quả học tập Tốt là: $42 \cdot \frac{2}{3} = 28$	0,5đ
	Số học sinh có kết quả học tập Khá là: $28 \cdot \frac{3}{7} = 12$	0,5đ
	Số học sinh có kết quả học tập Đạt là: $42 - 28 - 12 = 2$	0,5đ
Bài 4 (2,5 điểm)	Vẽ hình hết ý a 	0,5đ
	a) Điểm M nằm giữa O và N nên $OM + MN = ON$ Suy ra $MN = ON - OM = 6 - 3 = 3$ (cm)	0,75đ
	b) Vì điểm M nằm giữa hai điểm O và N. Và $OM = MN (= 3\text{cm})$ Suy ra điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON.	0,75 đ
	 c) Vì I là trung điểm của MN nên $IM = \frac{MN}{2} = \frac{3}{2} = 1,5$ (cm) Điểm M nằm giữa O và I nên $OM + MI = OI$ Suy ra $OI = 3 + 1,5 = 4,5$ (cm)	0,5 đ
Bài 5 (0,5 điểm)	Ta có $A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50} = 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{49} - \frac{1}{50}$ $= 1 - \frac{1}{50} = \frac{49}{50}$ $B = \frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \frac{1}{6.8} + \dots + \frac{1}{98.100} = \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{6} + \dots + \frac{1}{98} - \frac{1}{100} \right)$ $= \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{100} \right) = \frac{1}{2} \cdot \frac{49}{100} = \frac{49}{200}$ $\Rightarrow \frac{A}{B} = \frac{49}{50} : \frac{49}{200} = 4.$ Vậy $\frac{A}{B} = 4$	0,25đ 0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

ĐỀ DỰ BỊ

(đề gồm 2 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

Năm học 2025 – 2026

Môn: Toán – Lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút.

Ngày kiểm tra: 23/04/2026

Tiết theo KHDH: 98 – 99

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (2 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra.

Số đôi giày size 37 và size 38 bán ra trong quý II của một cửa hàng được biểu diễn trong biểu đồ ở hình dưới đây.

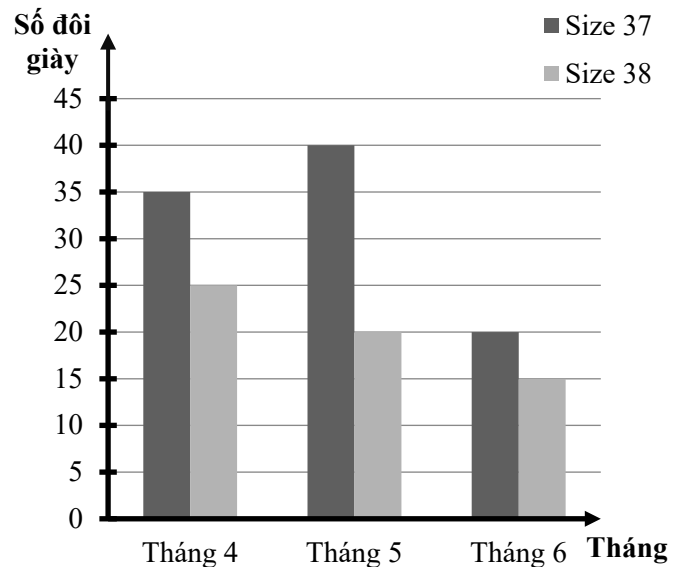
Sử dụng biểu đồ này để trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 2.

Câu 1. Tổng số giày cả hai size đã bán trong tháng 6 là:

- A. 35
B. 25
C. 40
D. 60

Câu 2. Trong quý II, số giày size 37 bán được nhiều hơn số giày size 38 là:

- A. 10
B. 20
C. 25
D. 35



Câu 3. Một cung thủ bắn mũi tên vào một tấm bia. Điểm số ở các lần bắn được cho bởi bảng sau:

7	8	9	9	8	10	10	9	8	10
8	8	9	10	10	7	6	6	9	9

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Cung thủ bắn được số điểm từ 9 trở lên” là:

- A. $\frac{11}{20}$ B. $\frac{10}{20}$ C. $\frac{16}{20}$ D. $\frac{8}{10}$

Câu 4. Tung một đồng xu cân đối 20 lần ta được kết quả như sau:

S	N	S	N	S	N	S	N	N	N
S	S	N	S	N	N	N	S	N	N

(Lưu ý: S: mặt sấp; N: mặt ngửa)

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Mặt xuất hiện là mặt sấp” là:

- A. 0,4 B. 0,6 C. 0,7 D. 0,8

Câu 5. Phân số nào sau đây là phân số dương:

- A. $\frac{-33}{15}$ B. $\frac{33}{-15}$ C. $-\frac{33}{15}$ D. $\frac{-33}{-15}$

Câu 6. Phân số nhỏ nhất trong các phân số $\frac{-2}{3}, \frac{5}{4}, \frac{3}{2}, \frac{11}{-5}$ là:

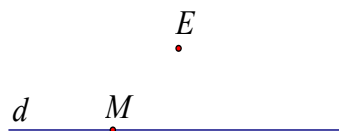
- A. $\frac{-2}{3}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{11}{-5}$

Câu 7. Cho hai tia OA và ON đối nhau thì trong ba điểm O , A , N điểm nằm giữa hai điểm còn lại là:

- A. Điểm O B. Điểm A C. Điểm N D. Điểm A hoặc N

Câu 8. Cho hình vẽ bên. Khẳng định đúng là:

- A. Điểm E thuộc đường thẳng d ;
- B. Đường thẳng d đi qua điểm E ;
- C. Điểm M không nằm trên đường thẳng d ;
- D. Đường thẳng d đi qua M .



PHẦN II. Tự luận (8 điểm).

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $4,55 + 3,45$ b) $\frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-11}{15}$ c) $\frac{3}{11} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{8}{11}$ d) $\frac{29}{21} - \left(\frac{15}{21} - \frac{12}{36} \right)$

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm x biết :

a) $x - \frac{1}{5} = \frac{2}{11}$ b) $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} : x = \frac{-2}{3}$ c) $\left(x - \frac{3}{5} \right)^2 = \frac{1}{25}$

Bài 3 (1,5 điểm). Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS, kết quả học tập của học sinh trong cả năm học được đánh giá theo 01 trong 04 mức: Tốt, Khá, Đạt và Chưa đạt. Lớp 6A có 42 học sinh. Trong đó, số học sinh có kết quả học tập Tốt bằng $\frac{2}{3}$

số học sinh cả lớp. Số học sinh có kết quả học tập Khá bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh có kết quả học tập

Tốt . Còn lại là học sinh có kết quả học tập Đạt. Không có học sinh nào có kết quả học tập Chưa đạt. Tính số học sinh có kết quả học tập Tốt, Khá, Đạt của lớp 6A.

Bài 4 (2,5 điểm). Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 4cm, ON = 8cm.

- a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.
- b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?
- c) Gọi I là trung điểm của MN. Tính độ dài đoạn thẳng OI.

Bài 5 (0,5 điểm). Cho $A = \frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \frac{1}{6.8} + \dots + \frac{1}{48.50}$

và $B = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100}$. Tính $\frac{A}{B}$.

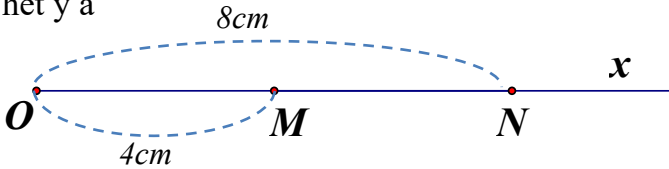
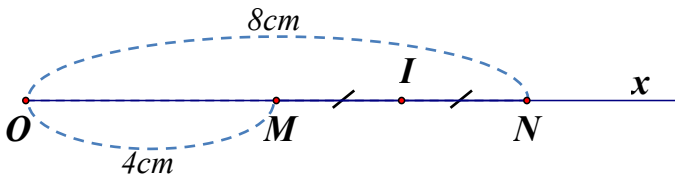
-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	A	D	D	A	D

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài	Đáp án	Biểu điểm
Bài 1 (2 điểm)	a) $4,55 + 3,45 = 8$	0,5đ
	b) $\frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + 1\frac{13}{22} + \frac{-11}{15} = \frac{-4}{15} + \frac{9}{22} + \frac{35}{22} + \frac{-11}{15}$ $= \left(\frac{-4}{15} + \frac{-11}{15}\right) + \left(\frac{9}{22} + \frac{35}{22}\right)$ $= \frac{-15}{15} + \frac{44}{22} = -1 + 2 = 1$	0,25đ 0,25đ
	c) $\frac{3}{11} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{11} \cdot \frac{2}{9} + \frac{8}{11} = \frac{3}{11} \cdot \left(\frac{7}{9} + \frac{2}{9}\right) + \frac{8}{11}$ $= \frac{3}{11} + \frac{8}{11} = \frac{11}{11} = 1$	0,25đ 0,25đ
	d) $\frac{29}{21} - \left(\frac{15}{21} - \frac{12}{36}\right) = \frac{29}{21} - \frac{15}{21} + \frac{12}{36}$ $= \frac{14}{21} + \frac{12}{36} = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} = \frac{3}{3} = 1$	0,25đ 0,25đ
Bài 2 (1,5 điểm)	a) $x - \frac{1}{5} = \frac{2}{11}$ $x = \frac{2}{11} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{21}{55}$	0,25đ 0,25đ
	b) $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} : x = \frac{-2}{3}$ $\frac{5}{9} : x = \frac{-10}{9}$ $x = \frac{-1}{2}$	0,25đ 0,25đ
	c) $\left(x - \frac{3}{5}\right)^2 = \frac{1}{25}$ TH ₁ : $x - \frac{3}{5} = \frac{1}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{4}{5}$	0,25đ 0,25đ
	TH ₂ : $x - \frac{3}{5} = \frac{-1}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{-1}{5}$ $x = \frac{2}{5}$	

	Vậy $x \in \left\{ \frac{2}{5}; \frac{4}{5} \right\}$	
Bài 3 (1,5 điểm)	Số học sinh có kết quả học tập Tốt là: $42 \cdot \frac{2}{3} = 28$ Số học sinh có kết quả học tập Khá là: $28 \cdot \frac{3}{7} = 12$ Số học sinh có kết quả học tập Đạt là: $42 - 28 - 12 = 2$	0,5đ 0,5đ 0,5đ
Bài 4 (2,5 điểm)	Vẽ hình hết ý a 	0,5đ
	a) Điểm M nằm giữa O và N nên $OM + MN = ON$ Suy ra $MN = ON - OM = 8 - 4 = 4$ (cm)	0,75đ
	b) Vì điểm M nằm giữa hai điểm O và N. Và $OM = MN (= 4\text{cm})$ Suy ra điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON.	0,75 đ
	 c) Vì I là trung điểm của MN nên $IM = \frac{MN}{2} = \frac{4}{2} = 2$ (cm) Điểm M nằm giữa O và I nên $OM + MI = OI$ Suy ra $OI = 4 + 2 = 6$ (cm)	0,5 đ
Bài 5 (0,5 điểm)	Ta có $A = \frac{1}{2.4} + \frac{1}{4.6} + \frac{1}{6.8} + \dots + \frac{1}{48.50} = \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{6} + \dots + \frac{1}{48} - \frac{1}{50} \right)$ $= \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{50} \right) = \frac{1}{2} \cdot \frac{24}{50} = \frac{6}{25}$ $B = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{99.100} = 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{99} - \frac{1}{100}$ $= 1 - \frac{1}{100} = \frac{99}{100}$ $\Rightarrow \frac{A}{B} = \frac{6}{25} : \frac{99}{100} = \frac{6}{25} \cdot \frac{100}{99} = \frac{8}{33}$ Vậy $\frac{A}{B} = \frac{8}{33}$	0,25đ 0,25đ

Chú ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

BGH duyệt

Tổ nhóm chuyên môn

Người ra đề

Kiều Thị Tâm

Nguyễn Hồng Ngọc

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

Kiểm tra mức độ nắm bắt kiến thức:

- Số học: Các phép tính với phân số, số thập phân. Phân tích và xử lý dữ liệu dưới dạng biểu đồ. Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi đơn giản.
- Hình học: Điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, tia.

2. Năng lực

- Năng lực tính toán, tư duy logic.
- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ và kí hiệu toán học.

3. Phẩm chất

- Học sinh có thái độ đúng đắn trong kiểm tra, làm bài cẩn thận.

II. Ma trận đề kiểm tra

MẠCH KIẾN THỨC	NĂNG LỰC	CẤP ĐỘ TƯ DUY			CẤP ĐỘ TƯ DUY			Tổng
		TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN			TỰ LUẬN			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1. Phân số, số thập phân	Tư duy và lập luận Toán học	1			1	2	1	5 2,25
	Giải quyết vấn đề Toán học	1			1	2	1	5 2,25
	Mô hình hóa Toán học						1	1 1,5
2. Phân tích và xử lý dữ liệu	Tư duy và lập luận Toán học							
	Giải quyết vấn đề Toán học	1						1 0,25
	Mô hình hóa Toán học	1						1 0,25
3. Xác suất thực nghiệm.	Tư duy và lập luận Toán học							
	Giải quyết vấn đề Toán học	1						1 0,25
	Mô hình hóa Toán học	1						1 0,25

4. Hình	Tư duy và lập luận Toán học	1				1		2 0,5
	Giải quyết vấn đề Toán học	1				1	1	3 2,5
	Mô hình hóa Toán học							
Tổng số câu		8			2	6	4	20
Tổng điểm		2			1	3	3	10

III. Bảng đặc tả (đính kèm trang sau)

IV. Nội dung đề kiểm tra (đính kèm trang sau)

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm (đính kèm trang sau)

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN TOÁN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung chính	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Phân số, số thập phân	- Nhận biết: HS biết thực hiện các phép tính trong tập hợp số nguyên. - Thông hiểu: HS hiểu các tính chất cơ bản trong tập hợp số nguyên	I.5,6 II.1.a II.2a	II.1b,c II.2b,c	II.1d II.3 II.5	11 6đ
2	Phân tích và xử lý dữ liệu	- Nhận biết: HS biết phân tích và xử lý dữ liệu bài toán - Thông hiểu: HS hiểu nội dung các loại biểu đồ để phân tích dữ liệu. - Vận dụng: HS vận dụng để trả lời các câu hỏi bài toán đưa ra.	I.1,2			2 0,5đ
3	Xác suất thực nghiệm	- Nhận biết: HS nhận biết được xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản. - Thông hiểu: HS hiểu được cách tính xác suất thực nghiệm của bài toán.	I.3,4			2 0,5đ
4	Hình	- Nhận biết: HS nắm được các khái niệm về điểm và đường thẳng. - Vận dụng: HS biết vận dụng các khái niệm để vẽ hình và trả lời các câu hỏi liên quan.	I.7,8	II.4 a,b	II.4.c	5 3đ
Tổng			10 3đ	6 4đ	4 3đ	20 10đ
Tỉ lệ %			30%	40%	30%	100%